

UNIT 3:**PEOPLE OF VIET NAM****I/ NEW WORDS:****A CLOSER LOOK 2**

- difficulty	(n): sự khó khăn
- monitor	(n):trưởng lớp
- communal house	(n):nhà rông, nhà c.cộng
- costume	(n):trang phục
- multicultural	(adj): đa văn hoá
- tale	(n):chuyện kể, truyện
- folk literature	(n):văn học dân gian
- diverse	(adj):đa dạng
- speciality	(n):đặc sản, đặc trưng